

Số: 39/2026/QĐ-UBND

Huế, ngày 21 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đến trường và trở về nhà trong ngày; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú trên địa bàn thành phố Huế

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1657/TTr-SGDĐT ngày 18 tháng 4 năm 2026 về dự thảo Quyết định quy định khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đến trường và trở về nhà trong ngày; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú trên địa bàn thành phố Huế;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đến trường và trở về nhà trong ngày; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định khoảng cách, địa bàn đối với học sinh, học viên đảm bảo điều kiện quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách trên địa bàn thành phố Huế không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày.

b) Quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú trên địa bàn thành phố Huế.

2. Đối tượng áp dụng

a) Học sinh bán trú học tại cơ sở giáo dục phổ thông đảm bảo điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.

b) Học viên bán trú học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông đảm bảo điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.

c) Học sinh dân tộc nội trú học tại trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.

d) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh, học viên là đối tượng được hưởng chế độ chính sách theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Quy định khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày

1. Khoảng cách để xác định học sinh, học viên bán trú không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày khi đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 1 Quyết định này, như sau:

a) Nhà ở xa trường (hoặc điểm trường) từ 04 km trở lên đối với học sinh tiểu học, từ 07 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở; từ 10 km trở lên đối với học sinh trung học phổ thông.

b) Nhà ở xa nơi học tập từ 07 km trở lên đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, từ 10 km trở lên đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông.

2. Địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên bán trú không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 1 Quyết định này: Xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Điều 3. Quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh dân tộc nội trú học tại trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú trên địa bàn thành phố Huế

1. Danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân cho học sinh

Học sinh dân tộc nội trú ở mỗi cấp học được cấp một lần gồm các hiện vật sau:

STT	Tên đồ dùng	Đơn vị tính	Số lượng được cấp phát theo cấp học	
			Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
1	Chăn ấm cá nhân dày	Cái	1	1
2	Chăn ấm cá nhân mỏng	Cái	1	1
3	Màn cá nhân	Cái	1	1
4	Gối và bọc gối	Cái	1	1
5	Chiều cá nhân	Cái	1	1
6	Áo đi mưa hoặc Ô	Cái	1	1
7	Áo ấm	Cái	1	1
8	Khăn lau mặt	Cái	1	1
9	Bàn chải đánh răng	Cái	2	2

2. Danh mục trang cấp học phẩm cho học sinh

Học sinh dân tộc nội trú mỗi năm học được cấp quần áo đồng phục và các học phẩm sau:

STT	Tên đồ dùng	Đơn vị tính	Số lượng được cấp phát theo cấp học	
			Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
1	Quần áo đồng phục	Bộ	2	2
2	Hộp bút chì màu	Hộp	1	không
3	Vở học sinh	Quyển	25	25
4	Bút bi	Cái	20	20
5	Thước kẻ	Cái	1	1
6	Bộ dụng cụ toán: Compa, eke, thước đo độ...	Bộ	1	1
7	Kéo nhỏ học sinh	Cái	1	1
8	Nhãn vở	Cái	25	25
9	Bút chì 2B	Cái	2	2
10	Tẩy	Cái	2	2
11	Gọt bút chì học sinh	Cái	1	1
12	Cấp học sinh hoặc ba lô có quai đeo	Cái	1	1

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí sự nghiệp giáo dục do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật về phân cấp quản lý ngân sách.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TT. Thành ủy;
- TT. HĐND thành phố;
- UBND thành phố: CT, các PCT;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Thanh tra thành phố Huế;
- Các Sở, Ban, ngành thành phố;
- VP UBND thành phố: CVP, các PCVP;
- Báo và PTTH Huế;
- UBND các xã, phường;
- Công báo thành phố, Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, GD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Mạnh